TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày 30-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn;

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Sbank);

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Bà Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền cho ông Đỗ Văn Công N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T.

Ông Đỗ Văn Công N ủy quyền lại cho ông Phạm Đăng K, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T, theo văn bản ủy quyền số: 77/2023/GUQ-CNTV ngày 03 tháng 11 năm 2023 (có mặt);

Địa chỉ: Số 555 đường N, Khóm B, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2 Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1984 (vắng mặt);

- Ông Trần Quốc T, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Đăng K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 202226523315 ngày 07 tháng 02 năm 2022 được ký kết giữa Sbank - Chi nhánh T với bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T như sau:

Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn buôn chuyến phân hữu cơ.

Lãi suất: 13,7%/năm, tương đương với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định thực tế của hợp đồng này.

Thời hạn vay: 12 tháng.

Phương thức trả nợ:

- Kỳ hạn trả lãi: Ngày 25 hàng tháng.

- Kỳ hạn trả vốn: Vốn gốc trả theo thời hạn vay được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Bên vay trả hết nợ (bao gồm vốn gốc, lãi và chi phí có liên quan) của từng lần nhận tiền nợ vay theo thời hạn vay được ghi trên giấy nhận nợ theo mẫu của Sbank. Đồng tiền trả nợ vay phải trả nợ vay cùng loại tiền với loại tiền đã giải ngân tương ứng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 142,4 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7 tại ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
- Quyền sử dụng đất diện tích 77,1 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 542, tờ bản đồ số 20 tại Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
- Quyền sử dụng đất diện tích 144,8 m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 81 tại Khóm T, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
- Quyền sử dụng đất diện tích 853,2 m^2, loại đất trồng lúa nước còn lại, thuộc thửa số 391, tờ bản đồ số 95 tại ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ hợp đồng vay nêu trên, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T đến kỳ hạn thanh toán vốn và lãi cho ngân hàng vào ngày 11 tháng 7 năm 2023. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T không thanh toán nên các khoản vay đã phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 30 tháng 01 năm 2024 thì bà Nguyễn Thị D và ông Trần Quốc T còn nợ ngân hàng tổng số tiền 2.227.511.881 đồng. Trong đó vốn gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 154.875.344 đồng, lãi quá hạn là 72.636.537 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T

trả tổng số tiền 2.227.511.881 đồng. Trong đó vốn gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 154.875.344 đồng, lãi quá hạn là 72.636.537 đồng (tính đến ngày 30 tháng 01 năm 2024).

Kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2024, ngân hàng tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo các hợp đồng cho vay đã thỏa thuận giữa ngân hàng với bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T không thanh toán các khoản nợ thì ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự này cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định. Bị đơn, chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 2.227.511.881 đồng. Trong đó vốn gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 154.875.344 đồng, lãi quá hạn là 72.636.537 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn cư trú tại ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về mặt nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 202226523315 ngày 07 tháng 02 năm 2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T với bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T thì bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T vay của Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Thời hạn trả nợ gốc là ngày 11 tháng 7 năm 2023. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 142,4 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7 tại ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; quyền sử dụng đất diện tích 77,1 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 542, tờ bản đồ số 20 tại Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; quyền sử dụng đất diện tích 144,8 m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 81 tại Khóm T, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; quyền sử dụng đất diện tích 853,2 m^2, loại đất trồng lúa nước còn lại, thuộc thửa số 391, tờ bản đồ số 95 tại ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226523315 ngày 07 tháng 02 năm 2022 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vay, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi đúng hạn. Đối với bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Như vậy xem như bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T không có ý kiến gì phản đối các yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 154.875.344 đồng, tiền lãi quá hạn là 72.636.537 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.227.511.881 đồng.

[3] Kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 202226523315 ngày 07 tháng 02 năm 2022.

[4] Trường hợp bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi

nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 76.550.200 đồng.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng. Tòa án đã chi hết 2.000.000 đồng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ nên Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải nộp số tiền 2.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh để trả lại cho Ngân hàng TMCP S.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án cũng như phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.227.511.881 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 2.000.0000 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 30 tháng 01 năm 2024 là 154.875.344 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30 tháng 01 năm 2024 là 72.636.537 đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 202226523315 ngày 07 tháng 02 năm 2022.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 142,4 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7 tại ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; quyền sử dụng đất diện tích 77,1 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 542, tờ bản đồ số 20 tại Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; quyền sử dụng đất diện tích 144,8 m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 81 tại Khóm T, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; quyền sử dụng đất diện tích 853,2 m^2, loại đất trồng lúa nước còn lại, thuộc thửa số 391, tờ bản đồ số 95 tại ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải chịu 76.550.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 36.256.800 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0018210 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng. Tòa án đã chi hết 2.000.000 đồng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ nên Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Quốc T phải nộp số tiền 2.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh để trả lại cho Ngân hàng TMCP S.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Khoa